**BÁO CÁO**

**Tình hình kinh tế - xã hội năm 2015 và 5 năm 2011 - 2015;**

**phương hướng, nhiệm vụ 5 năm 2016 - 2020 và năm 2016**

***(Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng trình bày***

***tại Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khoá XIII, ngày 20 tháng 10 năm 2015)***

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

*Thưa Quốc hội,*

*Thưa các Đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam,*

*Thưa các Đồng chí lão thành cách mạng và các vị khách,*

*Thưa đồng chí đồng bào,*

Theo chương trình Kỳ họp, Chính phủ đã gửi đến Quốc hội 57 báo cáo và tờ trình về các lĩnh vực của đất nước. Trong đó có báo cáo về tình hình kinh tế xã hội năm 2015, nhiệm vụ năm 2016 và báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015, phương hướng, nhiệm vụ 5 năm 2016 - 2020; thay mặt Chính phủ, tôi xin trân trọng báo cáo Quốc hội và đồng bào cả nước những nội dung chủ yếu của 2 báo cáo nêu trên.

**Phần thứ nhất**

**TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI NĂM 2015 VÀ 5 NĂM 2011 - 2015**

Trước khi bước vào Kế hoạch 5 năm 2011 - 2015, nhiều dự báo lạc quan về triển vọng phục hồi tăng trưởng kinh tế thế giới sau năm 2010. Trong nước, giai đoạn 2006 - 2010 tăng trưởng kinh tế đạt 7%/năm. Nước ta đã ra khỏi tình trạng kém phát triển, trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình. Trên cơ sở kết quả đạt được và do chưa lường hết những khó khăn thách thức nên nhiều chỉ tiêu chủ yếu đề ra cho 5 năm 2011 - 2015 là khá cao.

Từ năm 2011, tình hình thế giới diễn biến rất phức tạp, kinh tế phục hồi chậm hơn dự báo[[1]](#endnote-1). Khủng hoảng nợ công diễn ra trầm trọng ở nhiều quốc gia. Trong nước, khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu làm cho những yếu kém nội tại của nền kinh tế bộc lộ nặng nề hơn; thiên tai, dịch bệnh gây thiệt hại lớn trong khi yêu cầu bảo đảm an sinh xã hội, tăng cường quốc phòng an ninh ngày càng cao.

Trước diễn biến mới của tình hình, tại kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XIII đã quyết định điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Tập trung ưu tiên kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô; bảo đảm an sinh xã hội, cải thiện đời sống nhân dân; duy trì tăng trưởng ở mức hợp lý gắn với đẩy mạnh thực hiện ba đột phá chiến lược, cơ cấu lại nền kinh tế và đổi mới mô hình tăng trưởng; bảo đảm quốc phòng an ninh và ổn định chính trị xã hội; tăng cường hoạt động đối ngoại và nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế; tạo tiền đề vững chắc cho tăng trưởng cao hơn ở những năm cuối của kế hoạch 5 năm.

Trong quá trình thực hiện, tình hình thế giới, khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp. Giá dầu thô giảm sâu, đồng Nhân dân tệ đột ngột giảm giá, một số nền kinh tế lớn suy giảm tăng trưởng, đặc biệt là tình hình căng thẳng gay gắt ở Biển Đông... đã tác động tiêu cực đến phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, cả hệ thống chính trị, toàn quân, toàn dân, cộng đồng doanh nghiệp, chúng ta vừa kiên quyết đấu tranh bảo vệ chủ quyền quốc gia, giữ vững hoà bình, ổn định vừa nỗ lực phấn đấu đạt kết quả cao nhất kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2015 và 5 năm 2011 - 2015. Trên hầu hết các lĩnh vực đều đạt kết quả quan trọng.

**I. CÁC KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC**

**1. Lạm phát được kiểm soát, kinh tế vĩ mô dần ổn định, các cân đối lớn của nền kinh tế cơ bản được bảo đảm**

Tốc độ tăng giá tiêu dùng giảm mạnh, từ 18,13% năm 2011 xuống còn khoảng 2% vào năm 2015, thấp nhất trong 15 năm qua. Mặt bằng lãi suất giảm, năm 2015 chỉ bằng 40% so với năm 2011; dư nợ tín dụng tăng 17%, cao nhất kể từ năm 2011[[2]](#endnote-2), chất lượng tín dụng từng bước được cải thiện. Tỉ giá được điều chỉnh phù hợp[[3]](#endnote-3); thị trường ngoại hối cơ bản ổn định; niềm tin vào đồng tiền Việt Nam tăng lên; khắc phục một bước quan trọng tình trạng đô-la hoá, vàng hoá trong nền kinh tế.

Kim ngạch xuất khẩu tăng khoảng 18%/năm[[4]](#endnote-4), tỉ trọng xuất khẩu sản phẩm chế biến, chế tạo tăng mạnh; nhập khẩu tăng 15%/năm; tỉ lệ nhập siêu giảm từ 10,2% năm 2011 xuống còn 3,6% năm 2015. Cán cân thanh toán quốc tế thặng dư khá cao; dự trữ ngoại hối năm 2015 đạt mức cao nhất từ trước đến nay.

Quản lý ngân sách nhà nước (NSNN) được tăng cường. Thu từ dầu thô giảm mạnh nhưng thu nội địa tăng nên tổng thu ngân sách năm 2015 vẫn tăng 7,4% và 5 năm gấp khoảng 2 lần so với giai đoạn trước. Chi ngân sách gấp 2,17 lần, tăng chi cho con người, bảo đảm an sinh xã hội. Bội chi bình quân khoảng 5% GDP/năm. Nợ công tập trung cho đầu tư phát triển; đến hết năm 2015, nợ công khoảng 61,3% GDP, nợ Chính phủ 48,9%, nợ nước ngoài của quốc gia 41,5%, trong giới hạn an toàn theo quy định[[5]](#endnote-5).

Tổng vốn đầu tư toàn xã hội gấp khoảng 1,8 lần so với 5 năm trước, bằng khoảng 31,2% GDP. Vốn FDI thực hiện đạt 58,2 tỷ USD, tăng 31%. Vốn ODA giải ngân đạt khoảng 24 tỷ USD, tăng 70,5%[[6]](#endnote-6).

An ninh năng lượng và cân đối cung cầu các mặt hàng quan trọng được bảo đảm. Quản lý thị trường, giá cả được tăng cường; thực hiện bình ổn giá đối với một số hàng hoá, dịch vụ thiết yếu.

**2. Tăng trưởng kinh tế được duy trì ở mức hợp lý và phục hồi khá cao vào những năm cuối; chất lượng tăng trưởng có bước được nâng lên**

Tăng trưởng GDP năm 2015 ước đạt trên 6,5%, cao nhất trong 5 năm qua, vượt kế hoạch đề ra (6,2%); bình quân 5 năm đạt khoảng 5,9%/năm[[7]](#endnote-7), trong đó công nghiệp, xây dựng tăng 6,74%/năm, nông lâm thủy sản tăng 3,01%/năm, dịch vụ tăng 6,31%/năm. Quy mô và tiềm lực của nền kinh tế tiếp tục tăng; GDP năm 2015 đạt khoảng 204 tỷ USD, bình quân đầu người 2.228 USD (tính theo sức mua ngang giá là trên 5.600 USD).

Sản xuất công nghiệp phục hồi và tăng mạnh trong những năm cuối[[8]](#endnote-8); năm 2015 tăng khoảng 10%, riêng công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 10,6%. Khu vực nông nghiệp phát triển khá ổn định, giá trị sản xuất tăng 3,85%/năm. Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 13,5%/năm; loại trừ yếu tố giá còn tăng khoảng 5,6%, trong đó năm 2015 tăng 8,7%, cao nhất kể từ năm 2011[[9]](#endnote-9). Khách quốc tế năm 2015 đạt khoảng 7,9 triệu lượt, gấp gần 1,6 lần so với năm 2010.

Chất lượng tăng trưởng nhiều mặt được nâng lên. Tỉ trọng công nghiệp và dịch vụ trong GDP tăng từ 79,42% năm 2010 lên 82,5% năm 2015. Tỉ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội giảm từ 48,4% xuống 45%. Chỉ số năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP) giai đoạn 2011-2015 đạt bình quân 28,94%/năm. Năng suất lao động tăng bình quân 3,8%/năm. Vốn đầu tư được sử dụng hiệu quả hơn[[10]](#endnote-10). Trong 9 tháng năm 2015, số doanh nghiệp thành lập mới tăng 28,5% và vốn đăng ký tăng 31,4% so với cùng kỳ năm 2014. Số doanh nghiệp đang hoạt động là 525 nghìn, gấp hơn 1,5 lần so với cuối năm 2010[[11]](#endnote-11).

**3. Các đột phá chiến lược được tập trung thực hiện và đạt kết quả tích cực**

Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục được hoàn thiện và được xác định cụ thể hơn, từng bước thực thi có hiệu quả và tạo được sự đồng thuận trong xã hội. Triển khai thực hiện Hiến pháp năm 2013 và nhiều luật, pháp lệnh, nhất là các Luật liên quan trực tiếp đến thực hiện các đột phá chiến lược, tái cơ cấu kinh tế và hội nhập quốc tế[[12]](#endnote-12). Quy hoạch phát triển được rà soát, điều chỉnh phù hợp hơn với kinh tế thị trường[[13]](#endnote-13). Các loại thị trường được hình thành và vận hành khá đồng bộ. Thực hiện giá thị trường theo lộ trình đối với xăng dầu, than, điện, nước, dịch vụ giáo dục, y tế… gắn với hỗ trợ các đối tượng chính sách, hộ nghèo. Môi trường đầu tư kinh doanh và năng lực cạnh tranh có bước tiến mới*.* Chỉ số năng lực cạnh tranh toàn cầu của Việt Nam trong 5 năm tăng 19 bậc[[14]](#endnote-14).

Phát triển nguồn nhân lực và khoa học công nghệ đạt được những kết quả tích cực. Hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân[[15]](#endnote-15); mạng lưới được mở rộng; cơ cấu đào tạo hợp lý hơn, quy mô và chất lượng được nâng lên. Chú trọng bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục, nhất là vùng khó khăn và đồng bào dân tộc thiểu số[[16]](#endnote-16). Thực hiện kiên cố hóa trường lớp học và nhà công vụ cho giáo viên. Đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông và thi tốt nghiệp trung học phổ thông, tuyển sinh cao đẳng, đại học[[17]](#endnote-17). Tỉ lệ nhập học mầm non đạt mức cao; hoàn thành trước hạn mục tiêu trẻ em đi học tiểu học đúng độ tuổi. Xã hội hoá giáo dục đào tạo được đẩy mạnh; thí điểm cơ chế tự chủ đối với một số trường đại học công lập[[18]](#endnote-18). Chú trọng đào tạo nghề, tỉ lệ lao động qua đào tạo đạt 51,6% vào năm 2015.

Ứng dụng khoa học và đổi mới công nghệ có bước tiến bộ, nhất là trong các lĩnh vực nông nghiệp, thông tin truyền thông, y tế, xây dựng. Thị trường khoa học công nghệ có bước phát triển, giá trị giao dịch tăng 13,5%/năm. Số lượng sáng chế và các giải pháp hữu ích đăng ký bảo hộ gấp gần 2,2 lần so với giai đoạn 2006 - 2010. Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu của Việt Nam năm 2015 tăng 19 bậc so với năm 2010[[19]](#endnote-19).

Chính sách, pháp luật và quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng được hoàn thiện với tầm nhìn tổng thể, dài hạn. Tập trung huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội và đạt được kết quả quan trọng*.* Nhiều công trình hạ tầng thiết yếu về giao thông, năng lượng, thủy lợi, đô thị, thông tin truyền thông, y tế, giáo dục... được đưa vào sử dụng, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập quốc tế, tạo diện mạo mới cho đất nước[[20]](#endnote-20).

**4. Tái cơ cấu nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng được đẩy mạnh và đạt nhiều kết quả**

Triển khai thực hiện đồng bộ tái cơ cấu nền kinh tế và các ngành, lĩnh vực, tập trung vào các trọng tâm.

Về tái cơ cấu đầu tư, trọng tâm là đầu tư công.Triển khaithực hiện Luật Đầu tư công. Ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức và phân bổ vốn đầu tư theo kế hoạch trung hạn, tập trung cho các dự án quan trọng và vốn đối ứng ODA. Khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải; ưu tiên xử lý nợ xây dựng cơ bản. Tăng cường phân cấp, đề cao trách nhiệm của Bộ ngành, địa phương và chủ đầu tư. Cơ cấu vốn đầu tư toàn xã hội chuyển dịch tích cực, trong đó đầu tư công giảm từ 35,5% năm 2010 xuống còn khoảng 30% năm 2015, đầu tư của dân cư và doanh nghiệp trong nước tăng từ 36,1% lên 42%[[21]](#endnote-21).

Về tái cơ cấu thị trường tài chính, trọng tâm là các ngân hàng thương mại.Tập trung xử lý nợ xấu và cơ cấu lại các ngân hàng thương mại cổ phần yếu kém. Các ngân hàng thương mại bằng các biện pháp chủ động tự xử lý nợ xấu là chủ yếu; đồng thời phát huy vai trò của Công ty Quản lý tài sản (VAMC) tham gia xử lý nợ xấu và phát triển thị trường mua bán nợ. Đến tháng 9 năm 2015, nợ xấu còn 2,9% (tháng 9/2012 là 17,43%) và đã giảm 17 tổ chức tín dụng[[22]](#endnote-22). Thanh khoản và an toàn hệ thống được bảo đảm; cung ứng vốn tốt hơn cho nền kinh tế và góp phần ổn định kinh tế vĩ mô. Quy mô thị trường chứng khoán tăng, mức vốn hoá thị trường cổ phiếu đạt khoảng 33% GDP và thị trường trái phiếu đạt khoảng 23% vào cuối năm 2015.

Về cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước (DNNN), trọng tâm là các tập đoàn kinh tế và tổng công ty. Tập trung vào cổ phần hoá, thoái vốn đầu tư ngoài ngành và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. DNNN tập trung hơn vào những lĩnh vực then chốt, thiết yếu. Quản lý nhà nước và quản lý của chủ sở hữu được tăng cường. Đã sắp xếp 465 DNNN, trong đó cổ phần hóa 353 doanh nghiệp. Việc thoái vốn đầu tư ngoài ngành và bán bớt phần vốn tại các doanh nghiệp cổ phần hóa thu về cao hơn giá trị sổ sách, gấp 1,47 lần[[23]](#endnote-23). Năng lực quản trị, tiềm lực tài chính và hiệu quả sản xuất kinh doanh của DNNN được nâng lên; vốn nhà nước được bảo toàn và phát triển. DNNN cơ bản thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao[[24]](#endnote-24).

Về tái cơ cấu nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới.Tập trung tổ chức lại sản xuất. Tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; đẩy mạnh khai thác hải sản xa bờ. Hình thành một số khu nông nghiệp công nghệ cao, tổ hợp nông - công nghiệp - dịch vụ quy mô lớn. Đa dạng hóa các loại hình hợp tác liên kết, gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ. Nhân rộng các mô hình có hiệu quả cao. Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ trên địa bàn nông thôn. Thu hút được nhiều nguồn lực và sự tham gia của người dân vào xây dựng nông thôn mới. Đến nay, đã có 9 huyện và 1.132 xã đạt chuẩn nông thôn mới, chiếm 12,7%. Dự kiến đến cuối năm 2015, có khoảng 1.500 xã đạt chuẩn, chiếm 16,8%.

Về tái cơ cấu công nghiệp, dịch vụ. Cơ cấu công nghiệp chuyển dịch tích cực; tỉ trọng công nghiệp khai khoáng giảm; tỉ trọng công nghiệp chế biến chế tạo, điện, điện tử có công nghệ cao tăng từ 49,8% năm 2010 lên khoảng 51% năm 2015. Năng lực và trình độ công nghệ ngành xây dựng được nâng lên. Các ngành dịch vụ, du lịch tiếp tục tăng trưởng.

**5. Văn hoá, xã hội có bước phát triển, an sinh xã hội cơ bản được bảo đảm, đời sống nhân dân tiếp tục được cải thiện**

Trong bối cảnh kinh tế có nhiều khó khăn, đã tăng thêm ngân sách và huy động nguồn lực để thực hiện các chính sách xã hội. Hoàn thành trước thời hạn nhiều Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ của Liên hợp quốc[[25]](#endnote-25).

Mở rộng đối tượng và nâng mức hỗ trợ người có công. Đến nay, có khoảng 98,5% gia đình người có công có mức sống bằng hoặc cao hơn mức trung bình của dân cư trên địa bàn. Tạo việc làm cho trên 7,8 triệu người. Tỉ lệ hộ nghèo giảm khoảng 2%/năm (các huyện nghèo giảm trên 4%/năm), đến cuối năm 2015 còn dưới 4,5%. Số người tham gia BHXH tăng từ 9,7 triệu người năm 2011 lên 12 triệu năm 2015. Diện tích nhà ở bình quân đầu người tăng từ 17,5 m2 năm 2010 lên 22 m2 năm 2015.

Làm tốt công tác y tế dự phòng, không để dịch bệnh lớn xảy ra. Chất lượng khám chữa bệnh được nâng lên. Giảm quá tải bệnh viện đạt những kết quả tích cực. Tập trung đầu tư xây dựng hệ thống các bệnh viện[[26]](#endnote-26). Ứng dụng kỹ thuật hiện đại vào khám chữa bệnh đạt nhiều kết quả. Tỉ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt gần 75%. Phát triển y học cổ truyền, công nghiệp dược; tăng cường quản lý thuốc chữa bệnh; hệ thống quản lý chất lượng vắc-xin quốc gia đạt chuẩn quốc tế. Chú trọng bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm.

Đẩy mạnh xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam. Các giá trị văn hoá dân tộc, di tích lịch sử được bảo tồn, phát huy. Nhiều di sản văn hoá được công nhận là di sản văn hoá quốc gia và thế giới[[27]](#endnote-27). Tăng cường quản lý lễ hội và các hoạt động văn hóa nghệ thuật. Các phong trào toàn dân xây dựng đời sống văn hoá khu dân cư và trong xây dựng nông thôn mới được đẩy mạnh. Quan tâm chăm lo công tác người cao tuổi, trẻ em, gia đình, bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ. Thể thao thành tích cao có bước tiến bộ. Thực hiện tốt chính sách dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng.

Tăng cường quản lý nhà nước về thông tin truyền thông[[28]](#endnote-28). Nâng cao chất lượng, đa dạng hóa phương thức, đáp ứng nhu cầu thông tin của người dân, thông tin đối ngoại và phục vụ sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước. Tích cực tham gia đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo. Chú trọng bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng[[29]](#endnote-29).

**6. Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu được tăng cường**

Đã cơ bản hoàn thành việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020[[30]](#endnote-30) và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Xây dựng và đưa vào thực hiện quy trình vận hành liên hồ chứa tất cả 11 lưu vực sông[[31]](#endnote-31). Tăng cường quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả tài nguyên, khoáng sản. Tích cực xây dựng cơ sở dữ liệu về đất đai, tài nguyên và môi trường. Quan tâm bảo vệ, phát triển rừng; bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học. Tỉ lệ cơ sở gây ô nhiễm nghiêm trọng được xử lý đạt 92,5% vượt chỉ tiêu đề ra (kế hoạch 5 năm là 85%, năm 2015 là 90%)[[32]](#endnote-32). Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo và chủ động phòng chống, giảm nhẹ thiên tai. Triển khai nhiều dự án ứng phó với biến đổi khí hậu. Tranh thủ sự hợp tác và hỗ trợ của cộng đồng quốc tế.

**7. Hiệu lực hiệu quả quản lý nhà nước được nâng lên; cải cách hành chính đạt những kết quả tích cực; công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí được chú trọng**

Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy; đổi mới công tác công vụ, công chức; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin; thực hiện công khai, minh bạch; đề cao trách nhiệm người đứng đầu. Cải cách thủ tục hành chính có bước tiến mới, nhất là các lĩnh vực liên quan trực tiếp nhiều đến người dân và doanh nghiệp[[33]](#endnote-33). Thực hiện Cơ chế một cửa quốc gia và Kết nối kỹ thuật cơ chế một cửa ASEAN.

Phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo được tập trung chỉ đạo và có những chuyển biến tích cực. Xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật các hành vi tham nhũng. Đã giải quyết được 512/528 vụ việc khiếu nại kéo dài. Khiếu nại, tố cáo giảm cả về số lượng và số vụ khiếu kiện đông người[[34]](#endnote-34).

**8. Quốc phòng, an ninh được tăng cường, chủ quyền quốc gia được giữ vững**

Tiềm lực quốc phòng và an ninh được tăng cường. Sức mạnh tổng hợp và khả năng sẵn sàng chiến đấu của Quân đội nhân dân và Công an nhân dân được nâng lên. Bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia, giữ vững môi trường hoà bình, ổn định và kết hợp tốt hơn giữa bảo đảm quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế - xã hội, phòng chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn.

An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm. Đấu tranh ngăn chặn hiệu quả hoạt động chống phá của các thế lực thù địch. Tăng cường phòng, chống tội phạm và xử lý kịp thời các vụ án đặc biệt nghiêm trọng[[35]](#endnote-35). Công tác phòng, chống cháy nổ và an toàn lao động được quan tâm chỉ đạo. Tai nạn giao thông giảm cả về số vụ, số người chết, số người bị thương[[36]](#endnote-36).

**9. Công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế được chủ động đẩy mạnh và đạt nhiều kết quả quan trọng**

Kết hợp hiệu quả giữa đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và ngoại giao nhân dân, lấy lợi ích quốc gia làm mục tiêu cao nhất và góp phần tạo môi trường, điều kiện thuận lợi cho xây dựng, bảo vệ đất nước.

Tăng cường hợp tác và đối thoại, đưa quan hệ với các đối tác đi vào chiều sâu, thực chất và hiệu quả hơn; nâng cấp quan hệ với một số quốc gia thành đối tác chiến lược và đối tác hợp tác toàn diện[[37]](#endnote-37). Đối ngoại đa phương được nâng tầm, chủ động tham gia định hình các khuôn khổ, nguyên tắc hợp tác và đóng góp có trách nhiệm trên các diễn đàn Liên hợp quốc, ASEAN, ASEM, APEC… Tổ chức thành công Đại hội đồng Liên minh Nghị viện thế giới (IPU-132). Tích cực vận động và được cộng đồng quốc tế ủng hộ lập trường chính nghĩa của ta về vấn đề Biển Đông. Kiên trì cùng ASEAN thúc đẩy thực hiện nghiêm túc Tuyên bố DOC và đàm phán xây dựng Bộ quy tắc ứng xử COC.

Làm tốt hơn công tác người Việt Nam ở nước ngoài và bảo hộ công dân. Chủ động đấu tranh với các hoạt động lợi dụng dân chủ, nhân quyền để chống phá ta. Miễn thị thực cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài và công dân của nhiều nước để khuyến khích phát triển thương mại, đầu tư và du lịch[[38]](#endnote-38).

Hội nhập quốc tế được triển khai đồng bộ, hiệu quả cả về chính trị an ninh quốc phòng, kinh tế, văn hóa xã hội. Tích cực tham gia xây dựng Cộng đồng ASEAN. Đã có 59 nước công nhận Việt Nam là nền kinh tế thị trường. Đẩy mạnh triển khai các hiệp định thương mại tự do đã ký kết và chủ động đàm phán tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới[[39]](#endnote-39).

**II. CÁC HẠN CHẾ, YẾU KÉM**

1. Kinh tế vĩ mô ổn định chưa vững chắc. Cân đối ngân sách nhà nước còn khó khăn, cơ cấu chưa hợp lý, bội chi còn cao. Nợ công tăng nhanh, áp lực trả nợ lớn. Chất lượng tín dụng chưa cao, xử lý nợ xấu và cơ cấu lại các ngân hàng thương mại cổ phần yếu kém còn nhiều khó khăn. Huy động nguồn lực đầu tư ngoài nhà nước còn hạn chế.

2. Tăng trưởng kinh tế và một số chỉ tiêu chưa đạt kế hoạch đề ra. Năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp. Sản xuất kinh doanh và xuất khẩu của khu vực kinh tế trong nước, nhất là nông sản còn nhiều khó khăn[[40]](#endnote-40), liên kết giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước còn hạn chế. Sản xuất nông nghiệp hiệu quả chưa cao. Dịch vụ tăng thấp hơn giai đoạn trước, du lịch chưa trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

3. Thực hiện các đột phá chiến lược và tạo nền tảng để đến năm 2020 đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại chưa đáp ứng yêu cầu. Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa vẫn còn vướng mắc, chưa thực sự trở thành động lực mạnh mẽ cho phát triển kinh tế - xã hội; các loại thị trường phát triển còn chậm, hiệu quả chưa cao. Phát triển nguồn nhân lực, khoa học công nghệ và kết cấu hạ tầng chưa đáp ứng kịp yêu cầu phát triển.

4. Tái cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng còn chậm. Tái cơ cấu nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới chưa đạt yêu cầu. Hiệu quả đầu tư công chưa cao. Tái cơ cấu DNNN và sắp xếp, đổi mới các công ty nông, lâm nghiệp chưa đạt mục tiêu đề ra. Đổi mới công nghệ, phát triển công nghiệp hỗ trợ và các ngành có công nghệ cao, giá trị gia tăng cao còn chậm. Chưa tham gia được nhiều vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu[[41]](#endnote-41).

5. Phát triển văn hóa và thực hiện tiến bộ công bằng xã hội nhiều mặt còn hạn chế, khắc phục còn chậm. Giải quyết việc làm, đời sống của một bộ phận nhân dân còn nhiều khó khăn. Khoảng cách giàu nghèo còn lớn; tỉ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số còn cao[[42]](#endnote-42). Chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân có mặt còn hạn chế. Việc bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm còn nhiều yếu kém. Tệ nạn xã hội một số nơi còn diễn biến phức tạp. Nhiều biểu hiện xấu về đạo đức, lối sống gây bức xúc trong nhân dân.

6. Quản lý, khai thác, sử dụng đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu còn nhiều yếu kém, hiệu quả chưa cao. Cải thiện tình trạng ô nhiễm môi trường còn chậm. Nguồn lực phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu chưa đáp ứng yêu cầu. Tình trạng ngập lụt ở một số thành phố lớn khắc phục còn chậm.

7. Cải cách hành chính trên nhiều lĩnh vực còn chậm, thủ tục còn phiền hà. Cơ cấu tổ chức, bộ máy nhà nước còn cồng kềnh; chức năng, nhiệm vụ vẫn còn chồng chéo, chưa đủ cụ thể. Một số quy định chưa phù hợp với thực tiễn; vẫn còn tình trạng nợ đọng văn bản. Ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng Chính phủ điện tử còn chậm. Năng lực, phẩm chất, đạo đức, tinh thần trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức còn nhiều hạn chế. Thanh tra, kiểm tra, giám sát và phản biện xã hội hiệu quả chưa cao. Phòng chống tham nhũng chưa đạt yêu cầu. Việc tiếp công dân và giải quyết khiếu nại tố cáo vẫn còn hạn chế.

8. Bảo vệ chủ quyền quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ trên Biển Đông còn nhiều khó khăn, thách thức. An ninh trật tự, an toàn xã hội trên một số địa bàn vẫn còn phức tạp; một số vụ án nghiêm trọng gây bức xúc xã hội; một số tổ chức nhen nhóm hình thành trái pháp luật. Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng còn nhiều bất cập. Tai nạn giao thông vẫn còn nghiêm trọng; ùn tắc giao thông tại đô thị lớn khắc phục chậm.

9. Công tác đối ngoại và hội nhập kinh tế quốc tế có mặt chưa thật chủ động, hiệu quả chưa cao. Chưa phát huy hết các lợi thế và chuẩn bị tốt các điều kiện cho chủ động hội nhập. Sự gắn kết giữa hội nhập kinh tế quốc tế với quốc phòng, an ninh, văn hóa, xã hội, đối ngoại nhân dân có mặt còn hạn chế.

***Những hạn chế, yếu kém trên đây do cả nguyên nhân khách quan và chủ quan.*** Nguyên nhân chủ quan chủ yếu là:

- Nhận thức về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trên nhiều lĩnh vực chưa đủ rõ và còn khác nhau nên việc xây dựng thể chế, chính sách nhiều mặt còn lúng túng, thiếu nhất quán, chưa thật phù hợp với kinh tế thị trường, chưa tạo được động lực mạnh mẽ để huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển.

- Tổ chức thực hiện chủ trương, Nghị quyết của Đảng và Pháp luật, chính sách của Nhà nước nhiều mặt còn hạn chế. Việc quán triệt và thể chế hóa thành luật pháp, cơ chế, chính sách trong nhiều trường hợp chưa sâu, còn chậm, chất lượng thấp, tính khả thi chưa cao. Chưa làm thật tốt công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện. Chưa thay thế được kịp thời những cán bộ không đủ phẩm chất, năng lực, thiếu trách nhiệm, thực thi nhiệm vụ kém hiệu quả.

- Phương thức lãnh đạo, quản lý, điều hành kinh tế xã hội chưa thật phù hợp, hiệu lực hiệu quả chưa cao, chưa đáp ứng kịp yêu cầu phát triển trong kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. Tổ chức bộ máy và phẩm chất, năng lực của đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức nhiều mặt còn hạn chế. Khả năng phân tích, dự báo và phản ứng chính sách chưa đáp ứng yêu cầu trước tình hình quốc tế biến động rất nhanh, phức tạp. Chưa tập trung được cao nhất thời gian và mọi nỗ lực để ứng phó với tác động nặng nề của khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu. Chưa làm tốt công tác phối hợp và sơ kết tổng kết thực tiễn.

*Thưa Quốc hội,*

Trên cơ sở đạt được 9 tháng đầu năm và phấn đấu đạt kết quả cao nhất trong những tháng cuối năm, trong 14 chỉ tiêu kế hoạch của năm 2015, ước tính có 13 chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch (có 8 chỉ tiêu vượt), chỉ tiêu tỉ lệ che phủ rừng không đạt kế hoạch (42%)[[43]](#endnote-43). Trong số 26 chỉ tiêu chủ yếu của Kế hoạch 5 năm 2011 - 2015, có 17 chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch, 9 chỉ tiêu không đạt[[44]](#endnote-44), trong đó có chỉ tiêu tăng trưởng GDP nhưng chỉ tiêu này năm 2014 và 2015 đã có chuyển biến tích cực, vượt kế hoạch đề ra.

***Nhìn lại 5 năm qua*, mặc dù phải đối mặt với rất nhiều khó khăn thách thức và** còn nhiều hạn chế, yếu kém nhưng nhờ sự nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân, chúng ta cơ bản thực hiện được mục tiêu tổng quát đã đề ra, nhất là: kiềm chế được lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô; bảo đảm an sinh xã hội, cải thiện đời sống nhân dân; duy trì được tăng trưởng ở mức hợp lý và đạt tăng trưởng cao hơn ở những năm cuối; thực hiện có kết quả bước đầu các đột phá chiến lược và tái cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng; bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ quốc gia và giữ được hòa bình, hữu nghị với các nước; bảo đảm ổn định chính trị xã hội; nâng cao uy tín, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế; tạo tiền đề thuận lợi cho phát triển cao hơn trong giai đoạn tới.

***Những bài học kinh nghiệm là:***

*Thứ nhất,* phải quán triệt cương lĩnh, đường lối của Đảng, Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước; sáng tạo trong tư duy phát triển, lấy lợi ích quốc gia, dân tộc, lợi ích của nhân dân làm mục tiêu cao nhất. Tập trung sức hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường, xây dựng nhà nước pháp quyền và phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, tạo động lực mạnh mẽ để huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển nhanh, bền vững, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

*Thứ hai*, phải đánh giá đúng tình hình và đề ra mục tiêu, nhiệm vụ phù hợp, được nhân dân đồng tình ủng hộ. Tổ chức thực hiện quyết liệt, đồng bộ, toàn diện, có trọng tâm trọng điểm, gắn trước mắt với cơ bản lâu dài và ứng phó kịp thời, phù hợp với diễn biến mới của tình hình. Bám sát thực tiễn, tháo gỡ khó khăn vướng mắc và nhân rộng mô hình tốt, cách làm hay. Đề cao trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, nhất là người đứng đầu.

*Thứ ba*, trong điều kiện khó khăn càng phải quan tâm bảo đảm an sinh xã hội và chăm lo cải thiện đời sống mọi mặt của người dân. Đồng thời, chú trọng phát triển khu vực nông nghiệp nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn. Thực hiện nhất quán, thiết thực tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước phát triển. Tăng cường quyền làm chủ của người dân, phát huy tối đa nhân tố con người, coi con người là trung tâm, là chủ thể, là nguồn lực chủ yếu và là mục tiêu của sự phát triển.

*Thứ tư,* cùng với việc phát huy cao nhất các nguồn lực trong nước, phải chủ động hội nhập quốc tế, mở rộng và đa dạng hóa thị trường, thu hút mạnh và sử dụng hiệu quả các nguồn lực từ bên ngoài, tạo môi trường và điều kiện thuận lợi để đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

*Thứ năm*, phải tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc; phát huy dân chủ, đề cao kỷ luật kỷ cương; phối hợp chặt chẽ các tổ chức trong hệ thống chính trị; tập trung làm tốt công tác vận động quần chúng, thông tin truyền thông, tạo đồng thuận xã hội và sức mạnh tổng hợp trong xây dựng và thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

**Phần thứ hai**

**PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN**

**KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2016 - 2020 VÀ NĂM 2016**

**I. BỐI CẢNH QUỐC TẾ VÀ TRONG NƯỚC**

Khoa học, công nghệ phát triển rất nhanh cùng với toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng tác động mạnh đến quá trình phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia. Kinh tế thị trường; tiến bộ công bằng xã hội; dân chủ - pháp quyền; hợp tác và đấu tranh vì lợi ích quốc gia, vì hoà bình - phát triển và cùng chung tay giải quyết những thách thức toàn cầu là xu hướng chung của nhân loại. Kinh tế thế giới phục hồi chậm và còn nhiều khó khăn. Khu vực châu Á - Thái Bình Dương vẫn là trung tâm phát triển năng động của kinh tế thế giới; các nước lớn tăng cường sức mạnh quân sự, tranh giành ảnh hưởng trong khu vực ngày càng quyết liệt. Chủ nghĩa dân tộc cực đoan, xung đột sắc tộc, tôn giáo, hoạt động khủng bố có biểu hiện gia tăng. Tranh chấp lãnh thổ, đặc biệt là trên Biển Đông diễn biến phức tạp, gay gắt và rất khó lường.

Ở trong nước, thế và lực của nước ta đã lớn mạnh hơn nhiều và có thêm kinh nghiệm trong lãnh đạo quản lý điều hành nhưng vẫn còn nhiều hạn chế, yếu kém. Nhiệm vụ đặt ra rất nặng nề trong khi nguồn lực còn hạn hẹp. Hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, nhất là hội nhập kinh tế; việc thực hiện các Hiệp định thương mại tự do đã ký kết và tham gia các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, cùng với việc hình thành Cộng đồng ASEAN mở ra nhiều cơ hội thuận lợi cho phát triển nhưng cũng đặt ra không ít khó khăn, thách thức.[[45]](#endnote-45)

Bối cảnh quốc tế và trong nước đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân tiếp tục tăng cường đoàn kết nhất trí, đổi mới mạnh mẽ, năng động sáng tạo, nỗ lực phấn đấu cao nhất để thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 và năm 2016.

**II. MỤC TIÊU VÀ CÁC CHỈ TIÊU**

**1. Mục tiêu tổng quát**

*Bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, phấn đấu tăng trưởng kinh tế cao hơn 5 năm trước, năm 2016 cao hơn năm 2015. Đẩy mạnh thực hiện các đột phá chiến lược, cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh. Phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ công bằng xã hội và cải thiện đời sống nhân dân. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường. Tăng cường quốc phòng, an ninh, giữ vững chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ và bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và chủ động hội nhập quốc tế. Giữ gìn hoà bình, ổn định, tạo môi trường, điều kiện thuận lợi để xây dựng và bảo vệ đất nước. Nâng cao vị thế của nước ta trên trường quốc tế. Tiếp tục xây dựng nền tảng để sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.*

**2. Các chỉ tiêu chủ yếu**

*Về kinh tế:* Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) bình quân 5 năm đạt 6,5 - 7%/năm, năm 2016 đạt 6,7%. Đến năm 2020, GDP bình quân đầu người khoảng 3.750 USD, năm 2016 khoảng 2.450 USD. Tỉ trọng công nghiệp và dịch vụ trong GDP trên 85%. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội 5 năm và năm 2016 bằng khoảng 31% GDP. Bội chi NSNN đến năm 2020 giảm xuống còn 4,8% GDP, năm 2016 là 4,95%. Năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP) đóng góp vào tăng trưởng khoảng 30 - 35%. Năng suất lao động xã hội tăng 4 - 5%/năm. Tiêu hao năng lượng tính trên GDP bình quân giảm 1 - 1,5%/năm, năm 2016 giảm 1,5%. Tỉ lệ đô thị hóa đến năm 2020 đạt 38 - 40%. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) năm 2016 tăng dưới 5%.

*Về xã hội:* Đến năm 2020, tỉ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội khoảng 40%. Tỉ lệ lao động qua đào tạo đạt khoảng 65%, năm 2016 là 53%[[46]](#endnote-46). Tỉ lệ thất nghiệp khu vực thành thị dưới 4%. Có 9 bác sĩ và 26,5 giường bệnh trên 1 vạn dân, năm 2016 đạt 24,5 giường. Tỉ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt khoảng 80% dân số, năm 2016 đạt 76%. Tỉ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng giảm xuống 10%, năm 2016 dưới 13,8%. Tỉ lệ hộ nghèo giảm bình quân khoảng 1 - 1,5%/năm, năm 2016 khoảng 1,3 - 1,5%; riêng các huyện nghèo, xã nghèo giảm 4%. Diện tích nhà ở bình quân đầu người đạt 25 m2, năm 2016 đạt 22,6 m2.

*Về môi trường:* Đến năm 2020, có 95% dân cư thành thị được sử dụng nước sạch, năm 2016 là 83,5% và 90% dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh, năm 2016 là 88%. Tỉ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường là 90%, năm 2016 là 85%. Có 80 - 85% chất thải nguy hại và 90 - 100% chất thải y tế được xử lý. Tỉ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom đến năm 2020 đạt 90%, năm 2016 là 86%. Tỉ lệ che phủ rừng đạt 42%, năm 2016 là 41%.

**III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP**

**1. Phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, ổn định kinh tế vĩ mô, tạo môi trường và động lực cho phát triển kinh tế - xã hội**

Tập trung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường đồng bộ, hiện đại trên cơ sở tuân thủ đầy đủ các quy luật của kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế. Phát triển và vận hành thông suốt, hiệu quả các loại thị trường; bảo đảm cạnh tranh bình đẳng, minh bạch giữa các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế. Việc xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, phân bổ nguồn lực cho sản xuất kinh doanh và quản lý giá phải theo cơ chế thị trường.Đồng thời sử dụng các nguồn lực của Nhà nước và các công cụ điều tiết, chính sách phân phối, phân phối lại để phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ công bằng xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, giảm nghèo, từng bước nâng cao phúc lợi xã hội và đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

Tăng cường ổn định kinh tế vĩ mô. Điều hành hiệu quả chính sách tiền tệ, chính sách tài khóa và các chính sách khác để kiểm soát tốt lạm phát, ổn định giá trị đồng tiền Việt Nam, tăng dự trữ ngoại hối, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế. Tăng cường quản lý và từng bước cơ cấu lại thu, chi NSNN, tăng tỉ trọng thu nội địa và bảo đảm tỉ lệ hợp lý giữa chi thường xuyên, chi đầu tư, chi trả nợ; phấn đấu giảm dần bội chi. Tăng cường quản lý và sử dụng hiệu quả nợ công, bảo đảm an toàn tài chính quốc gia.

Nhà nước bảo vệ quyền sở hữu tài sản hợp pháp và quyền tự do kinh doanh của người dân, doanh nghiệp. Tập trung phát triển hạ tầng kinh tế xã hội, nguồn nhân lực, tiềm lực khoa học công nghệ và tạo môi trường an toàn, thuận lợi, kiểm soát tốt độc quyền kinh doanh để thu hút mạnh các nguồn lực vào đầu tư phát triển.

Đẩy mạnh xã hội hoá và thực hiện lộ trình giá thị trường đối với các dịch vụ công thiết yếu gắn với hỗ trợ đối tượng chính sách, hộ nghèo. Cơ cấu lại các đơn vị sự nghiệp công lập, giao quyền tự chủ phù hợp và hoạt động theo cơ chế doanh nghiệp.

Khai thác tốt các cam kết quốc tế, mở rộng và đa dạng hoá thị trường xuất khẩu; kiểm soát nhập khẩu phù hợp, phấn đấu cân bằng thương mại bền vững. Tăng cường xúc tiến thương mại gắn với xây dựng thương hiệu hàng Việt Nam. Phát triển mạnh thị trường trong nước; tăng cường quản lý thị trường, giá cả và phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại.

**2. Đẩy mạnh tái cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh**

Đổi mới mô hình tăng trưởng, bảo đảm phát triển nhanh - bền vững. Kết hợp hiệu quả phát triển chiều rộng với chiều sâu, chú trọng phát triển chiều sâu; không ngừng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh; gắn kết hài hoà tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ công bằng xã hội, nâng cao đời sống nhân dân; bảo vệ, cải thiện môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo đảm quốc phòng an ninh.

Tiếp tục triển khai Đề án tổng thể tái cơ cấu nền kinh tế và tái cơ cấu các ngành, lĩnh vực. Thực hiện đồng bộ các giải pháp đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả tái cơ cấu nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới. Phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng khu vực nông nghiệp bình quân khoảng 3 - 3,5% và đến năm 2020 có khoảng 50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới.Đẩy mạnh tái cơ cấu công nghiệp, tạo nền tảng cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá*.* Tập trung phát triển các ngành công nghiệp có công nghệ cao, giá trị gia tăng cao, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp chế biến chế tạo, năng lực xây lắp kỹ thuật cao[[47]](#endnote-47). Phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng công nghiệp, xây dựng bình quân khoảng 8,7 - 9,5%/năm; đến năm 2020 tỉ trọng khu vực công nghiệp trong GDP khoảng 40%[[48]](#endnote-48). Thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển nhanh các ngành dịch vụ, nhất là các ngành có lợi thế, có công nghệ và giá trị gia tăng cao[[49]](#endnote-49). Tập trung phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng khu vực dịch vụ bình quân 6,6 - 6,9%/năm. Tỉ trọng khu vực dịch vụ trong GDP đạt 45% vào năm 2020.

Phát triển mạnh các ngành kinh tế biển gắn với bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia và nâng cao đời sống nhân dân vùng biển, đảo. Chú trọng phát triển các vùng kinh tế trọng điểm, các khu kinh tế, các khu công nghiệp tạo sức lan tỏa, kết nối, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Đồng thời chăm lo phát triển hài hòa các khu vực, các địa bàn còn nhiều khó khăn. Sớm triển khai xây dựng hiệu quả một số đặc khu kinh tế.

Tiếp tục tái cơ cấu đầu tư, trọng tâm là đầu tư công. Nâng cao hiệu quả và tập trung nguồn lực đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng quan trọng, thiết yếu[[50]](#endnote-50). Từng bước hình thành hệ thống đô thị có kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, thân thiện với môi trường. Khuyến khích khu vực ngoài nhà nước đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng.

Khẩn trương triển khai thực hiện Luật Đầu tư công và Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016 - 2020, bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất, phù hợp với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, khả năng cân đối vốn đầu tư của Nhà nước và tăng cường thu hút các nguồn vốn đầu tư ngoài nhà nước. Bố trí vốn tập trung ưu tiên cho vốn đối ứng các dự án ODA quan trọng; thu hồi vốn ứng trước; thanh toán nợ đọng vốn đầu tư xây dựng cơ bản; vốn cho các công trình chuyển tiếp cấp thiết; hỗ trợ cho các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng quan trọng theo hình thức đối tác công - tư (PPP); đầu tư cho xây dựng nông thôn mới và các vùng còn nhiều khó khăn. Phân cấp rõ, đề cao trách nhiệm, tạo sự chủ động cho các Bộ ngành, địa phương trong quản lý đầu tư công, bảo đảm công khai, minh bạch.

Tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp phù hợp với thực tế Việt Nam và thông lệ quốc tế để cơ cấu lại các tổ chức tín dụng, nâng cao năng lực quản trị, tiềm lực tài chính, chất lượng tín dụng, hiệu quả hoạt động, bảo đảm cung ứng vốn cho nền kinh tế.Tập trung tái cơ cấu các ngân hàng thương mại cổ phần yếu kém. Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của VAMC. Tăng cường thanh tra, giám sát các tổ chức tín dụng, ngăn chặn tình trạng vi phạm pháp luật, thao túng, gây hậu quả nghiêm trọng, xử lý nghiêm các sai phạm. Bảo đảm an toàn hệ thống.

Phát triển mạnh các loại hình và nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh của doanh nghiệp. Tiếp tục tái cơ cấu DNNN, tập trung cổ phần hoá, thoái vốn đầu tư ngoài ngành; bán hết phần vốn trong các doanh nghiệp mà Nhà nước không cần nắm giữ theo cơ chế thị trường; sử dụng một phần số tiền thu được cho đầu tư phát triển; tăng cường quản lý nhà nước và quản lý của chủ sở hữu; bố trí đúng cán bộ lãnh đạo, nâng cao năng lực quản trị và hiệu quả hoạt động. Phân định rõ nhiệm vụ sản xuất kinh doanh theo cơ chế thị trường và thực hiện nhiệm vụ do Nhà nước giao. Đẩy mạnh sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty và các nông lâm trường quốc doanh[[51]](#endnote-51). Khuyến khích phát triển mạnh doanh nghiệp tư nhân, hỗ trợ hiệu quả doanh nghiệp nhỏ và vừa, kinh tế hộ gia đình. Tăng cường thu hút đầu tư nước ngoài có công nghệ cao, thân thiện môi trường, sử dụng nhiều lao động. Phát triển bền vững và nhân rộng các mô hình kinh tế hợp tác hiệu quả. Khuyến khích các doanh nghiệp tham gia hiệu quả vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu.

**3. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng cường tiềm lực khoa học công nghệ**

Thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu và phân bổ lao động hợp lý. Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo theo hướng mở, hội nhập, xây dựng xã hội học tập, phát triển toàn diện năng lực, thể chất, nhân cách, đạo đức, lối sống, ý thức tôn trọng pháp luật và trách nhiệm công dân. Đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp dạy và học, đánh giá kết quả, nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, nhất là đào tạo nghề và giáo dục đại học. Phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, đáp ứng yêu cầu đổi mới. Gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ. Phát triển hợp lý giáo dục công lập và ngoài công lập. Ngân sách nhà nước bảo đảm cho giáo dục phổ cập. Khuyến khích xã hội hoá đầu tư phát triển các trường chất lượng cao. Giao quyền tự chủ phù hợp cho các cơ sở giáo dục đào tạo. Tiếp tục hoàn thiện và thực hiện hiệu quả các chính sách hỗ trợ phát triển giáo dục đào tạo cho các vùng khó khăn và các đối tượng chính sách. Có cơ chế đặc thù để tuyển chọn và trọng dụng nhân tài.

Tăng cường quản lý nhà nước, nâng cao tiềm lực và hiệu quả hoạt động khoa học công nghệ. Khuyến khích mạnh mọi tổ chức, cá nhân nghiên cứu, sáng tạo, ứng dụng khoa học công nghệ, đáp ứng yêu cầu tái cơ cấu kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh, bảo đảm quốc phòng an ninh và các nhu cầu phát triển của xã hội. Thực hiện cơ chế đặc thù để phát triển các cơ sở nghiên cứu khoa học công nghệ theo mô hình tiên tiến, triển khai những dự án quan trọng, các sản phẩm trọng điểm quốc gia. Nâng cao hiệu quả sử dụng kinh phí nghiên cứu khoa học từ NSNN và hoạt động của các quỹ khoa học công nghệ công lập. Khuyến khích hình thành các quỹ đầu tư mạo hiểm. Tăng cường thực thi pháp luật về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. Đào tạo, phát triển đội ngũ nhân lực khoa học công nghệ trình độ cao trong nước, kết hợp với thu hút trọng dụng cán bộ thực tài trong nước và người Việt Nam ở nước ngoài.

**4. Phát triển văn hoá, xã hội, nâng cao đời sống nhân dân**

Phát triển văn hoá và thực hiện tiến bộ công bằng xã hội, nâng cao đời sống nhân dân gắn kết hài hoà với phát triển kinh tế. Triển khai thực hiện các Mục tiêu Phát triển bền vững sau năm 2015 của Liên Hợp quốc.

Tiếp tục hoàn thiện và thực hiện tốt các chính sách xã hội, nhất là chính sách đối với người có công và bảo đảm an sinh xã hội. Thực hiện đồng bộ các giải pháp giải quyết việc làm và đẩy mạnh giảm nghèo bền vững theo chuẩn nghèo mới, giảm nghèo nhanh hơn trong đồng bào dân tộc thiểu số và địa bàn đặc biệt khó khăn. Mở rộng đối tượng tham gia và bảo đảm phát triển bền vững quỹ bảo hiểm xã hội. Làm tốt công tác trợ giúp xã hội. Cải cách chính sách tiền lương, tiền công theo nguyên tắc thị trường, phù hợp với tăng năng suất lao động; thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở, mức lương tối thiểu, bảo đảm mức sống tối thiểu của người lao động với lộ trình phù hợp. Nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức công đoàn, xây dựng quan hệ lao động hài hoà, tiến bộ, giải quyết kịp thời các tranh chấp. Thực hiện tốt chính sách bảo hộ lao động. Nghiên cứu điều chỉnh tuổi nghỉ hưu phù hợp. Chú trọng phòng chống tệ nạn xã hội. Tăng cường quản lý lao động nước ngoài tại Việt Nam.

Tiếp tục làm tốt công tác y tế dự phòng, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và phục hồi chức năng, khắc phục nhanh tình trạng quá tải bệnh viện. Phát triển nguồn nhân lực cả về số lượng và chất lượng, nhất là nhân lực trình độ cao và nâng cao y đức của đội ngũ cán bộ y tế. Chú trọng phát triển y tế ở miền núi, biên giới, hải đảo. Khuyến khích phát triển y tế ngoài công lập và hợp tác công tư trong khám chữa bệnh. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân. Thực hiện giá dịch vụ y tế theo lộ trình tính đúng, tính đủ và công khai, minh bạch; đồng thời hỗ trợ phù hợp cho đối tượng chính sách, người nghèo. Phát triển y học cổ truyền và công nghiệp dược. Tăng cường quản lý thuốc chữa bệnh và bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm. Tổng kết chương trình mục tiêu quốc gia về dân số và kế hoạch hóa gia đình; xác định mục tiêu, giải pháp phù hợp, phát triển dân số bền vững, giảm mất cân bằng giới tính khi sinh, bảo đảm tỉ lệ sinh thay thế và nâng cao chất lượng dân số. Cùng với nâng cao chất lượng cuộc sống, phấn đấu tuổi thọ trung bình đến năm 2020 đạt 75 tuổi, năm 2016 là 73,6 tuổi.

Phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thống nhất trong đa dạng. Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện và môi trường văn hoá lành mạnh, văn minh. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hoá. Đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư và trong xây dựng nông thôn mới. Khuyến khích tự do sáng tạo trong hoạt động văn hoá, văn học nghệ thuật đi đôi với đề cao trách nhiệm công dân, trách nhiệm xã hội của vǎn nghệ sĩ và các nhà vǎn hoá. Bảo tồn, phát huy các di sản và giá trị văn hoá tốt đẹp của dân tộc. Chủ động hợp tác và giao lưu quốc tế, quảng bá văn hoá Việt Nam và tiếp nhận có chọn lọc tinh hoa văn hoá thế giới. Thực hiện tốt chính sách dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng. Làm tốt công tác người cao tuổi, gia đình, thanh thiếu niên, bình đẳng giới, bà mẹ, trẻ em và vì sự tiến bộ của phụ nữ. Phát triển thể dục, thể thao cho mọi người và thể thao thành tích cao, thể thao chuyên nghiệp. Triển khai thực hiện hiệu quả Đề án quy hoạch phát triển và quản lý báo chí. Phát huy vai trò tích cực của báo chí, xuất bản đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của nhân dân và sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

**5. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai; tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường**

Tăng cường quản lý nhà nước, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách và thực hiện đồng bộ các giải pháp chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Chú trọng công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm các vi phạm.

Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, giám sát biến đổi khí hậu. Đề cao trách nhiệm của các ngành, các cấp, các lực lượng và mọi người dân; tăng cường hợp tác quốc tế, huy động các nguồn lực, thực hiện hiệu quả công tác phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ. Ưu tiên đầu tư các dự án ứng phó biến đổi khí hậu quan trọng, cấp thiết.

Đẩy mạnh điều tra, đánh giá tiềm năng, hoàn thiện quy hoạch và tăng cường quản lý khai thác, sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên, khoáng sản gắn với bảo vệ môi trường. Nâng cao chất lượng quy hoạch, kế hoạch và quản lý chặt chẽ việc sử dụng đất. Khai thác, sử dụng hiệu quả nguồn nước và chủ động hợp tác quốc tế trong việc sử dụng bền vững nguồn nước xuyên quốc gia.

Cải thiện chất lượng môi trường và điều kiện sống. Kiểm soát chặt chẽ các nguồn gây ô nhiễm, xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Ngăn chặn và khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường tại các làng nghề, lưu vực sông, khu công nghiệp và các đô thị. Tăng cường bảo vệ và phát triển rừng, nhất là rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn, rừng đặc dụng; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học. Khuyến khích phát triển năng lượng tái tạo và các nguyên vật liệu thân thiện với môi trường.

**6. Nâng cao hiệu lực hiệu quả quản lý nhà nước, bảo đảm quyền tự do, dân chủ của người dân; đẩy mạnh phòng chống tham nhũng, lãng phí và giải quyết khiếu nại, tố cáo**

Xây dựng bộ máy nhà nước tinh gọn, trong sạch vững mạnh, hiệu lực hiệu quả. Nhà nước quản lý và định hướng phát triển kinh tế - xã hội bằng pháp luật, quy hoạch, kế hoạch và các công cụ điều tiết phù hợp với kinh tế thị trường và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa. Tập trung tạo dựng thể chế, luật pháp, cơ chế chính sách và môi trường, điều kiện thuận lợi, an toàn để kinh tế thị trường vận hành đầy đủ, thông suốt, hiệu quả và hội nhập quốc tế; phát huy mạnh mẽ quyền dân chủ, tự do sáng tạo của người dân trong phát triển kinh tế - xã hội.

Xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, năng động, phục vụ tốt nhất người dân và doanh nghiệp. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất, đạo đức, năng lực, trách nhiệm và tính chuyên nghiệp cao. Đổi mới công tác tuyển dụng, đề bạt cán bộ, công chức, bảo đảm cạnh tranh, công khai, minh bạch. Đánh giá cán bộ, công chức phải trên cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ. Người đứng đầu cơ quan trong bộ máy nhà nước phải chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao và phải được trao quyền tương ứng về tổ chức, cán bộ.

Tập trung cải cách thủ tục hành chính, công khai, minh bạch các quy trình, thủ tục, tạo thuận lợi nhất cho người dân, doanh nghiệp. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, cung cấp dịch vụ công, xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia, thực hiện Chính phủ điện tử. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát, nâng cao hiệu lực hiệu quả thực thi chính sách, pháp luật.

Hoàn thiện cơ chế phân cấp, nhất là về tổ chức bộ máy, cán bộ, đầu tư, ngân sách, quy hoạch phát triển, bảo đảm lãnh đạo, quản lý, điều hành thống nhất, thông suốt từ Trung ương đến cơ sở, đồng thời phát huy tính chủ động và đề cao trách nhiệm của các cấp chính quyền địa phương. Kết hợp chặt chẽ giữa quản lý theo ngành với quản lý theo lãnh thổ, tạo không gian phát triển thống nhất trên cả nước.

Hoàn thiện tổ chức và hoạt động, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước về kinh tế, xã hội đối với chính quyền địa phương các cấp. Tập trung vào cung cấp dịch vụ công, bảo đảm an sinh xã hội, an toàn xã hội, nâng cao phúc lợi xã hội và cải thiện đời sống cho người dân. Xác định rõ chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của chính quyền nông thôn, đô thị, hải đảo, các khu kinh tế đặc biệt.

Tiếp tục hoàn thiện thể chế, luật pháp, cơ chế chính sách, bảo đảm chặt chẽ, công khai, minh bạch và thực hiện đồng bộ các giải pháp về phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Kiện toàn tổ chức bộ máy phòng chống tham nhũng. Thực hiện nghiêm quy định về kê khai, kiểm soát kê khai tài sản, thu nhập. Tăng cường giáo dục phẩm chất, đạo đức và trách nhiệm công vụ. Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu trong phòng chống tham nhũng, lãng phí. Nâng cao hiệu lực hiệu quả công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử và xử lý đúng pháp luật các hành vi tham nhũng, lãng phí. Tăng cường giám sát và phòng chống tham nhũng trong các cơ quan bảo vệ pháp luật. Thiết lập cơ chế giám sát và kiểm soát quyền lực. Phát huy vai trò giám sát của cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân và trách nhiệm của cơ quan thông tin truyền thông trong phòng chống tham nhũng, lãng phí. Thực hiện tốt công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân. Bảo vệ người tố cáo tham nhũng, xử lý nghiêm những hành vi lợi dụng chống tham nhũng để tố cáo sai sự thật. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong phòng chống tham nhũng.

**7. Tăng cường quốc phòng an ninh, giữ vững chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ và bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội**

Thực hiện hiệu quả Chiến lược bảo vệ Tổ quốc. Tăng cường quốc phòng an ninh, bảo đảm độc lập, chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ, giữ vững ổn định chính trị - xã hội và môi trường hoà bình để xây dựng, bảo vệ đất nước. Không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống. Xây dựng lực lượng quân đội nhân dân, công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, ưu tiên hiện đại nhanh ở những lĩnh vực cần thiết. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các lực lượng thực thi pháp luật trên biển. Kết hợp tốt nhiệm vụ quốc phòng an ninh với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Phát triển bền vững kinh tế, xã hội khu vực biên giới và biển đảo. Có chính sách phù hợp để thực hiện một số nhiệm vụ đặc thù về quốc phòng an ninh. Đẩy mạnh hợp tác và tranh thủ sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế để duy trì môi trường hoà bình và bảo vệ chủ quyền quốc gia. Tham gia phù hợp hoạt động giữ gìn hoà bình của Liên hợp quốc. Bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội và tăng cường phòng chống tội phạm. Không để hình thành các tổ chức trái pháp luật chống phá đất nước. Tăng cường an ninh an toàn thông tin mạng. Bảo đảm trật tự, an toàn và giảm tai nạn giao thông.

**8. Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, chủ động hội nhập quốc tế, tạo môi trường hoà bình và điều kiện thuận lợi để phát triển đất nước**

Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập, hợp tác quốc tế trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi. Đưa quan hệ với các đối tác đi vào chiều sâu, thiết thực, hiệu quả. Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại đa phương, nhất là trong ASEAN, Liên hợp quốc. Kiên trì thúc đẩy giải quyết các tranh chấp trên Biển Đông bằng biện pháp hoà bình trên cơ sở luật pháp quốc tế và nguyên tắc ứng xử của khu vực. Thực hiện hiệu quả các cam kết quốc tế và chủ động đàm phán, ký kết các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, khai thác tối đa các cơ hội thuận lợi, hạn chế thấp nhất các tác động tiêu cực, mở rộng và đa dạng hóa thị trường, tranh thủ các nguồn lực bên ngoài cho phát triển. Tăng cường công tác thông tin đối ngoại. Thực hiện tốt công tác người Việt Nam ở nước ngoài và bảo hộ công dân.

Về đàm phán Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương (TPP), Chính phủ xin báo cáo Quốc hội như sau: Hiệp định TPP là Hiệp định thương mại tự do tiêu chuẩn cao với sự tham gia của 12 quốc gia[[52]](#endnote-52), có quy mô chiếm khoảng 40% GDP và 30% thương mại toàn cầu. Việt Nam đã chủ động tham gia đàm phán Hiệp định này ngay từ đầu với tư cách là quan sát viên đặc biệt và trở thành thành viên chính thức từ tháng 11 năm 2010.

Các nước tham gia đàm phán cùng thống nhất mục tiêu của Hiệp định TPP là: Hiệp định TPP là một Hiệp định toàn diện, tiêu chuẩn cao nhưng cân bằng về lợi ích và có tính đến chênh lệch về trình độ phát triển giữa các nước thành viên; thúc đẩy tăng trưởng kinh tế; phát huy sáng tạo; nâng cao năng suất lao động; tạo nhiều việc làm mới; nâng cao đời sống nhân dân và giảm nghèo. Sau 5 năm, các nước đã kết thúc đàm phán Hiệp định vào ngày 05 tháng 10 năm 2015.

Trong quá trình xây dựng phương án và đàm phán, Chính phủ đã nhiều lần báo cáo và thực hiện nghiêm túc các chủ trương về hội nhập quốc tế theo Nghị quyết và các chỉ đạo của Bộ Chính trị, nhất là: bảo đảm lợi ích quốc gia cao nhất, không ký kết Hiệp định bằng mọi giá; các nước tôn trọng thể chế chính trị của nước ta và có đối xử linh hoạt, dành cho Việt Nam lộ trình thực thi phù hợp. Kết thúc đàm phán, chúng ta đã đạt được kết quả theo đúng chủ trương, chỉ đạo nêu trên và phương án đã được Bộ Chính trị phê duyệt.

Theo thỏa thuận, các Bên sẽ tiếp tục hoàn tất các văn bản, thủ tục để có thể cùng ký chính thức Hiệp định vào cuối năm 2015 hoặc đầu năm 2016. Sau đó, các nước sẽ tiến hành phê chuẩn Hiệp định theo quy định pháp luật của mỗi nước với mục tiêu là đưa Hiệp định có hiệu lực từ giữa năm 2017 hoặc đầu năm 2018.

Việc thực hiện Hiệp định TPP sẽ tạo thêm nhiều cơ hội, thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội nước ta, nhất là tăng mạnh xuất khẩu, thu hút đầu tư nước ngoài, góp phần tăng trưởng kinh tế cao hơn, nhưng chúng ta cũng phải đối mặt với những khó khăn thách thức. Đối với một số ngành hàng khả năng cạnh tranh còn thấp, đàm phán đã đạt được lộ trình với thời gian thực thi phù hợp để giúp các doanh nghiệp tái cơ cấu, nâng cao năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh.

Việc thực hiện thành công Hiệp định TPP tùy thuộc rất lớn vào sự nỗ lực phấn đấu nâng cao nội lực và sức cạnh tranh của từng sản phẩm, từng doanh nghiệp và của cả nền kinh tế. Với những kinh nghiệm thực tế trong quá trình mở cửa, hội nhập kinh tế quốc tế, nhất là sau hơn 8 năm gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, nỗ lực của cộng đồng doanh nghiệp và với bản lĩnh, trí tuệ của người Việt Nam, chúng ta tin tưởng rằng sẽ vượt qua được khó khăn thách thức, phát huy tối đa cơ hội, thuận lợi, phấn đấu đạt kết quả cao nhất trong thực hiện Hiệp định TPP, góp phần đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ đất nước.

Chính phủ sẽ trình Quốc hội xem xét phê chuẩn Hiệp định theo đúng quy định của pháp luật.

*Thưa Quốc hội,*

*Thưa đồng chí, đồng bào,*

Năm 2016 - năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020; bên cạnh những cơ hội thuận lợi chúng ta phải đối mặt với không ít khó khăn, thách thức. Nhiệm vụ đặt ra là rất nặng nề. Để thực hiện thắng lợi Nghị quyết của Quốc hội đề ra cho năm 2016, ngay từ đầu năm Chính phủ sẽ triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ có trọng tâm, trọng điểm các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với thực tế tình hình. Chính phủ mong nhận được sự lãnh đạo chỉ đạo của Trung ương Đảng, sự giám sát và ủng hộ của Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân và đồng chí đồng bào trong cả nước.

*Xin cảm ơn các vị đại biểu, đồng chí đồng bào./.*

**Phụ lục I**

**ƯỚC THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU**

**CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2015**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

| **STT** | **Chỉ tiêu** | **Đơn vị** | **Kế hoạch năm 2015** | **Ước thực hiện năm 2015** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) | % | 6,2 | 6,5 |
|  | Tốc độ tăng tổng kim ngạch xuất khẩu | % | 10 | Khoảng 10 |
|  | Tỉ lệ nhập siêu so với tổng kim ngạch xuất khẩu | % | 5 | 3,6 |
|  | Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội so với GDP | % | 30-32 | 30,5 |
|  | Chỉ số tăng giá tiêu dùng (CPI) | % | Khoảng 5 | 1,5-2,5 |
|  | Tạo việc làm | Triệu người | 1,6 | 1,6 |
|  | Tỉ lệ lao động qua đào tạo trong tổng số lao động đang làm việc trong nền kinh tế | % | 50 | 51,6 |
| Trong đó: Tỉ lệ lao động qua đào tạo từ 3 tháng trở lên có văn bằng, chứng chỉ công nhận kết quả đào tạo | % |  | 20 |
|  | Tỉ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị | % | <4 | <4 |
|  | Giảm tỉ lệ hộ nghèo  *Riêng các huyện nghèo giảm* | %  % | 1,7-2  *4* | 1,7-2,0  *4* |
|  | Tỉ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng | % | <15 | 14,1 |
|  | Số giường bệnh trên 1 vạn dân (không tính giường trạm y tế xã) | Giường bệnh | 23,5 | 24,0 |
|  | Tỉ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng (theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg) được xử lý | % | 90 | 92 |
|  | Tỉ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường | % | 82 | 84 |
|  | Tỉ lệ che phủ rừng | % | 42 | 40,73 |

**Phụ lục II**

**ƯỚC THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU**

**CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2011 - 2015**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

| **STT** | **Chỉ tiêu** | **Đơn vị** | **Thực hiện 2006 -2010** | **Mục tiêu 2011 -2015** | **Ước thực hiện 2011 -2015** | **So với mục tiêu KH 5 năm** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Các chỉ tiêu kinh tế** | | | | | |
| 1 | Tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân 5 năm | % | 7,0 | 6,5-7 | 5,88 | Không đạt |
| 2 | Tỉ trọng đầu tư toàn xã hội trong GDP bình quân 5 năm | % | 42,7 | 33,5-35 | 31,2 | Không đạt |
| 3 | Tỉ lệ nhập siêu trong kim ngạch xuất khẩu đến năm cuối kỳ kế hoạch | % | 17,4 | <10 | <5 | Vượt |
| 4 | Bội chi ngân sách nhà nước vào năm cuối kỳ kế hoạch 5 năm | % | 5,5 | <4,5 | 5 | Không đạt |
| 5 | Tiêu tốn năng lượng tính trên GDP bình quân 5 năm so với năm cuối kỳ kế hoạch 5 năm giai đoạn trước | % | Tăng  12 | Giảm  2,5-3 | Giảm  6,55 | Vượt |
| 6 | Tỉ trọng sản phẩm công nghệ cao trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp | % | ......[[53]](#footnote-1) | 30 | 18,37[[54]](#footnote-2) | Không đạt |
| 7 | Tỉ lệ đổi mới công nghệ bình quân 5 năm | % | ...... | 13 | 10,68 | Không đạt |
| 8 | Tăng năng suất lao động xã hội đến năm cuối kỳ kế hoạch 5 năm so với cuối kỳ kế hoạch 5 năm giai đoạn trước | % | ...... | 29-32 | 22 | Không đạt |
| 9 | Tỉ lệ huy động thuế và phí vào ngân sách trong GDP bình quân 5 năm | % | 25,4 | <22-23 | 21 | Đạt |
| 10 | Nợ công trong GDP vào năm cuối kỳ kế hoạch 5 năm | % | 57,1 | <65 | 61,3 | Đạt |
| 11 | Dư nợ của Chính phủ  trong GDP đến năm cuối kỳ kế hoạch 5 năm | % | 40,9 | <50 | 49 | Đạt |
| 12 | Dư nợ nước ngoài của quốc gia trong GDP vào năm cuối kỳ kế hoạch 5 năm | % | 42,2 | <50 | 41,5 | Đạt |
| 13 | Chỉ số giá tiêu dùng vào năm cuối kỳ kế hoạch 5 năm | % | 9,19 | 5-7 | 1,5-2,5 | Đạt |
|  | **Các chỉ tiêu xã hội** | | | | | |
| 14 | Số lao động được tạo việc làm 5 năm 2011-2015 | Triệu lượt người | 8,07 | 8 | 7,8 | Không đạt |
| 15 | Tỉ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi khu vực thành thị vào năm cuối kỳ kế hoạch 5 năm | % | 4,29 | <4 | <4 | Đạt |
| 16 | Tỉ lệ lao động qua đào tạo trong tổng số lao động đang làm việc trong nền kinh tế vào năm cuối kỳ kế hoạch 5 năm | % | 40 | 55 | 51,6 | Không đạt |
| 17 | Thu nhập thực tế của dân cư vào năm cuối kỳ kế hoạch 5 năm so với năm cuối kỳ kế hoạch 5 năm giai đoạn trước | Lần | 1,38 | 2-2,5 | 2,85-2,9 | Vượt |
| 18 | Tỉ lệ giảm hộ nghèo bình quân hàng năm | % | ˃2,5 | 2 | 2 | Đạt |
| 19 | Tỉ lệ giảm hộ nghèo bình quân hàng năm đối với các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn | % | ...... | 4 | 4 | Đạt |
| 20 | Diện tích nhà ở bình quân vào năm cuối kỳ kế hoạch 5 năm | m2 sàn/người | 17,2 | 22 | 22 | Đạt |
| 21 | Diện tích sàn nhà ở bình quân đô thị vào năm cuối kỳ kế hoạch 5 năm | m2 sàn/người | 20 | 26 | 26 | Đạt |
| 22 | Tốc độ tăng dân số vào năm cuối kỳ kế hoạch 5 năm | % | 1,05 | Khoảng 1 | 1 | Đạt |
| 23 | Số bác sỹ trên 1 vạn dân vào năm cuối kỳ kế hoạch 5 năm | Bác sỹ | 7,1 | 8 | 8 | Đạt |
| 24 | Số giường bệnh (không tính giường trạm y tế xã) trên 1 vạn dân vào năm cuối kỳ kế hoạch 5 năm | Giường | 20,5 | 23 | 24 | Vượt |
|  | **Các chỉ tiêu môi trường** | | | | | |
| 25 | Tỉ lệ che phủ rừng vào năm cuối kỳ kế hoạch 5 năm | % | 39,5 | 42-43 | 40,73 | Không đạt |
| 26 | Tỉ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng vào năm cuối kỳ kế hoạch 5 năm được xử lý | % | 77,0 | 85 | 92,5 | Vượt |

**Chú thích:**

1. Tháng 10-2010, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) dự báo kinh tế thế giới năm 2011 tăng 4,2%, giai đoạn 2012-2015 tăng 4,6%/năm. Thực tế tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2011 tăng 3,9%, năm 2012 tăng 3,2%, năm 2013 tăng 3,3%, năm 2014 tăng 3,3% và năm 2015 dự kiến tăng 3,1% (theo Báo cáo của IMF vào tháng 10-2015). [↑](#endnote-ref-1)
2. Tăng trưởng tín dụng năm 2011 là 14,31%, năm 2012 là 8,85%, năm 2013 là 12,52%, năm 2014 là 14,16%, năm 2015 khoảng 17%. [↑](#endnote-ref-2)
3. Từ đầu năm đến nay đã điều chỉnh tăng 3% tỷ giá bình quân liên ngân hàng và điều chỉnh biên độ tỷ giá từ +/- 1% lên +/- 3%. [↑](#endnote-ref-3)
4. Kim ngạch xuất khẩu giai đoạn 2006-2010 tăng 17,3%/năm; giai đoạn 2011-2015 tăng khoảng 18%/năm, riêng năm 2015 tăng khoảng 10%. [↑](#endnote-ref-4)
5. Theo Nghị quyết số 10/2011/QH13 của Quốc hội, nợ công đến năm 2015 không quá 65% GDP, nợ Chính phủ không quá 50% GDP, nợ nước ngoài của Quốc gia không quá 50% GDP. [↑](#endnote-ref-5)
6. Vốn FDI thực hiện 5 năm 2006-2010 đạt 44,63 tỷ USD. 5 năm 2011-2015 đạt 58,2 tỷ USD, riêng năm 2015 ước đạt 13,2 tỷ USD. Vốn ODA và vay ưu đãi giải ngân 5 năm 2011-2015 đạt 24 tỷ USD; riêng năm 2015 đạt 5 tỷ USD. [↑](#endnote-ref-6)
7. Năm 2011 tăng 6,24%; năm 2012 tăng 5,25%; năm 2013 tăng 5,42%; năm 2014 tăng 5,98% và năm 2015 tăng trên 6,5%. Theo báo cáo của Ngân hàng Thế giới (WB) tại Hội nghị Đối tác Phát triển Việt Nam (ngày 05-12-2014), trong giai đoạn khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu (2008 - 2013), tăng trưởng GDP bình quân đầu người của Trung Quốc đạt 8,5%, Việt Nam đạt 4,6%, In-đô-nê-xi-a đạt 4,5%, Phi-líp-pin đạt 3,3%, Thái Lan đạt 2,7%, Ma-lai-xi-a đạt 2,6%. [↑](#endnote-ref-7)
8. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) năm 2012 tăng 5,8%; năm 2013 tăng 5,9%; năm 2014 tăng 7,6%; năm 2015 khoảng 10%. [↑](#endnote-ref-8)
9. Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đã loại trừ yếu tố tăng giá năm 2011 tăng 4,6%; 2012 tăng 4,3%; 2013 tăng 3,8%; 2014 tăng 8,1%; 2015 ước tăng 8,7%. [↑](#endnote-ref-9)
10. Đóng góp của yếu tố năng suất tổng hợp (TFP) giai đoạn 2011 – 2015 đạt bình quân 28,94%/năm. Tiêu hao điện năng trên một đơn vị GDP giảm từ 0,8 kwh năm 2010 xuống còn 0,71 - 0,72 kwh năm 2015. Chỉ số ICOR giảm từ 6,96 (2006 – 2010) xuống 6,5 (2011 – 2015). [↑](#endnote-ref-10)
11. Số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới trong giai đoạn 2006 - 2010 là 330 nghìn với tổng số vốn là 1.882 nghìn tỷ đồng; số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới giai đoạn 2011-2015 là 384,1 nghìn, vốn đăng ký là 2.330 nghìn tỷ đồng, tăng 16% về số doanh nghiệp và tăng 18,5% về vốn đăng ký so với 5 năm trước. [↑](#endnote-ref-11)
12. Sau khi ban hành Hiến pháp năm 2013 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2014), Quốc hội đã ban hành 40 Luật trong đó có nhiều luật quan trọng như Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, Bộ luật Lao động, Luật Việc làm... Trong giai đoạn 2011-2015, Quốc hội đã ban hành 87 Bộ Luật, Luật, Ủy ban thường vụ Quốc hội đã ban hành 13 Pháp lệnh, Chính phủ đã ban hành 668 Nghị định, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 340 Quyết định, các Bộ, ngành đã ban hành 3.327 Thông tư và 439 Thông tư liên tịch; tổng số 4.774 văn bản dưới luật được ban hành. [↑](#endnote-ref-12)
13. Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt 259 quy hoạch và các Bộ, ngành phê duyệt được 231 quy hoạch. Điều chỉnh bổ sung quy hoạch 6 vùng kinh tế - xã hội, 4 vùng kinh tế trọng điểm, 41 quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội các tỉnh, thành phố. [↑](#endnote-ref-13)
14. Theo Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF), chỉ số xếp hạng toàn cầu về năng lực cạnh tranh (GCI) của Việt Nam năm 2010 xếp thứ 75/139 quốc gia, năm 2011 xếp thứ 65/142 quốc gia, năm 2012 xếp thứ 75/144 quốc gia, năm 2013 xếp thứ 70/148 quốc gia, năm 2014 xếp thứ 68/144 quốc gia, năm 2015 xếp thứ 56/140 quốc gia. [↑](#endnote-ref-14)
15. Sáp nhập trung tâm học tập cộng đồng, **Trung tâm dạy nghề, Trung tâm giáo dục thường xuyên, Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp thành Trung tâm giáo dục nghề nghiệp.** [↑](#endnote-ref-15)
16. Đã ban hành và thực hiện các chính sách hỗ trợ giáo dục đối với vùng, miền, lĩnh vực; chính sách miễn giảm học phí, cấp học bổng, tín dụng ưu đãi cho học sinh sinh viên; chính sách trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú; chính sách giáo dục hòa nhập cho trẻ em khuyết tật. [↑](#endnote-ref-16)
17. Đã ban hành và triển khai Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông. Không tổ chức thi tuyển học sinh vào lớp 6. Đổi mới kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông và tuyển sinh đại học, cao đẳng. [↑](#endnote-ref-17)
18. Thực hiện thí điểm đổi mới cơ chế của 12 trường đại học (Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Tôn Đức Thắng, Đại học Kinh tế quốc dân, Đại học Hà Nội, Đại học Tài chính - Marketing, Đại học Ngoại thương, Đại học Công nghiệp Dệt may Hà Nội, Đại học Công nghệ Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Điện lực, Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh). [↑](#endnote-ref-18)
19. Theo Báo cáo Chỉ số sáng tạo toàn cầu (GII) 2015 của Tổ chức sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO), Đại học Cornell, Học viện kinh doanh INSEAD: Năm 2010 Việt Nam xếp thứ 71/125 quốc gia, năm 2015 xếp thứ 52/141 quốc gia. Trong khu vực Đông Nam Á, chỉ số GII của Việt Nam chỉ đứng sau Singapore, Malaysia. [↑](#endnote-ref-19)
20. Theo đánh giá của Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF), chỉ số cạnh tranh toàn cầu (GCI) của Việt Nam về chất lượng cơ sở hạ tầng chung tăng 24 bậc, từ 123/139 (năm 2010) lên 99/140 (năm 2015); trong đó chỉ số về hạ tầng giao thông vận tải tăng 36 bậc, từ 103/139 (năm 2010) lên 67/140 (2015).

    Trong giai đoạn 2011-2015 đến nay, đã hoàn thành, đưa vào khai thác trên 300 công trình, dự án; trong đó có các công trình, dự án quan trọng như: Dự án đường cao tốc Nhật Tân - Nội Bài, đường cao tốc TPHCM - Trung Lương, TPHCM - Long Thành - Dầu Giây, hoàn thành 75km tuyến đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, đường Hồ Chí Minh đoạn Tây Nguyên - TPHCM dài 663km, cầu Nhật Tân, Cổ Chiên, cầu Năm Căn, cầu Cái Tắt, dự án nâng cấp mở rộng Quốc lộ 1 đoạn thành phố Hồ Chí Minh - Hậu Giang. Xây dựng mới và nâng cấp sân bay Nội Bài, Tân Sơn Nhất, Đà Nẵng, Phú Quốc, Vinh, Thọ Xuân, Pleiku... Đến cuối năm 2015, dự kiến sẽ hoàn thành 704km đường cao tốc, 1.948km đường Quốc lộ 1A, 2.232km đường Hồ Chí Minh, khoảng 100km đường bộ ven biển. Tập trung xây dựng mới (Cảng hàng không Phú Quốc, sân bay Thọ Xuân) và nâng cấp (Cảng hàng không Nội Bài, Tân Sơn Nhất, Đà Nẵng, Buôn Ma Thuột, Phú Bài, Pleiku, Cát Bi, Vinh) đưa tổng năng lực từ mức 42 triệu hành khách năm 2010 lên 70 triệu hành khách năm 2015.

    Trong 5 năm 2011 - 2015, đã tăng thêm 16,8 nghìn MW công suất nguồn; khoảng 7,6 nghìn km truyền tải 500 kV, 220 kV và 37,4 nghìn MVA công suất các trạm biến áp. Nhiều công trình lớn đã hoàn thành: Nhà máy thuỷ điện Sơn La, phát điện tổ máy 1 nhà máy thủy điện Lai Châu; Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1, phát điện 2 tổ máy nhà máy nhiệt điện Duyên Hải 1, Vĩnh Tân; đưa điện lưới ra các đảo Phú Quốc, Lý Sơn, Cô Tô, Vân Đồn…

    Đến nay, đã đưa vào sử dụng vệ tinh Vinasat-2 và VNREDSat-1. Năm 2015, tốc độ kết nối internet băng thông rộng đạt 17,3Mbps, tốc độ kết nối di động băng thông rộng 1,9Mbps. Tổng số thuê bao di động ước đạt 140 triệu thuê bao vào cuối năm 2015.

    Đến năm 2015 bảo đảm tưới trực tiếp cho 3,5 triệu ha đất canh tác, tạo nguồn tưới cho hơn 1 triệu ha, tiêu cho 1,7 triệu ha. Tỉ lệ đô thị hoá dự báo đạt khoảng 35%. [↑](#endnote-ref-20)
21. Cơ cấu đầu tư vốn đầu tư toàn xã hội bình quân giai đoạn 2011-2015: Vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước là 21,3%, vốn trái phiếu chính phủ là 5,8%, vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước là 5%, vốn đầu tư của doanh nghiệp nhà nước là 8,9%, vốn đầu tư của dân cư và doanh nghiệp tư nhân là 39,4%, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài là 17,6%, vốn huy động khác là 2%. [↑](#endnote-ref-21)
22. Giai đoạn 2011-2015, hệ thống các tổ chức tín dụng (TCTD) đã giảm được 17 TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, bao gồm: 01 NHTM Nhà nước sáp nhập vào 01 NHTM Nhà nước khác; 04 NHTMCP sáp nhập vào 04 NHTMCP khác; 03 NHTMCP hợp nhất thành 01 NHTMCP; 01 ngân hàng liên doanh sáp nhập vào 01 ngân hàng nước ngoài khác; 01 NHTMCP hợp nhất với 01 công ty tài chính; chuyển giao tài sản công nợ và đóng cửa 05 chi nhánh ngân hàng nước ngoài; đóng cửa và thanh lý 02 chi nhánh ngân hàng nước ngoài (chưa bao gồm 02 chi nhánh ngân hàng nước ngoài đang trong quá trình thanh lý); giải thể, rút giấy phép 01 công ty cho thuê tài chính. Riêng trong năm 2015, NHNN đã chỉ đạo quyết liệt và hoàn thành việc sáp nhập NHTMCP Nhà Đồng bằng Sông Cửu Long vào NHTMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, NHTMCP Phát triển Mê Công vào NHTMCP Hàng hải Việt Nam, NHTMCP Phương Nam sáp nhập vào NHTMCP Sài Gòn Thương tín; đang hoàn tất quá trình sáp nhập NHTMCP Xăng dầu Petrolimex vào NHTMCP Công thương Việt Nam. [↑](#endnote-ref-22)
23. Dự kiến năm 2015, cổ phần hóa được 200/289 doanh nghiệp. Đã có 70 doanh nghiệp cổ phần hóa bán cổ phần lần đầu (IPO) ra công chúng với tổng số lượng cổ phần chào bán trên 734 triệu cổ phiếu (trị giá trên 7.340 tỷ đồng). Số cổ phiếu bán được trên 232 triệu cổ phiếu, đạt 36,1% tổng số lượng cổ phần chào bán. Thoái vốn đầu tư ngoài ngành và bán bớt phần vốn tại các doanh nghiệp cổ phần hóa thu về gần 12,8 nghìn tỷ đồng, bằng 1,47 lần giá trị sổ sách, tăng 149% so với cùng kỳ năm trước.

    Kết quả hoạt động của các doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa được cải thiệu đáng kể. Theo báo cáo của 2.400 doanh nghiệp sau một năm cổ phần hóa, vốn điều lệ bình quân tăng 68%, doanh thu tăng 34%, lợi nhuận sau thuế tăng 99,9%, nộp ngân sách tăng 47%, thu nhập bình quân tăng 76,9%. [↑](#endnote-ref-23)
24. Tổng tài sản của DNNN (theo báo cáo của công ty mẹ) năm 2015 tăng khoảng 36% so với năm 2010, vốn chủ sở hữu tăng 62%, doanh thu tăng 18%, lợi nhuận trước thuế tăng 56%; theo báo cáo hợp nhất tổng tài sản tăng 26%, vốn chủ sở hữu tăng 57%, doanh thu tăng 14%, lợi nhuận trước thuế tăng 16%. [↑](#endnote-ref-24)
25. Việt Nam là quốc gia hoàn thành trước thời hạn nhiều mục tiêu thiên niên kỷ (MDG), Đại hội đồng Liên hợp quốc tháng 9/2015 đã vinh danh Việt Nam là một trong 6 quốc gia hoàn thành trước thời hạn mục tiêu giảm nghèo. [↑](#endnote-ref-25)
26. Đã khánh thành Tòa nhà kỹ thuật công nghệ cao Bệnh viện hữu nghị Việt Đức; Khu khám bệnh 15 tầng của bệnh viện Nhi Trung ương; Khu khám bệnh và điều trị kỹ thuật cao của bệnh viện Lão khoa Trung ương; Trung tâm ung bướu của bệnh viện Việt Nam - Thụy Điển, Uông Bí; Trung tâm ung bướu Chợ Rẫy; Bệnh viện Sản-Nhi tỉnh Bắc Ninh; Bệnh viện đa khoa Đồng Nai; Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Trị; Khu điều trị cơ sở 2 - Bệnh viện Nội tiết Trung ương. [↑](#endnote-ref-26)
27. Giai đoạn 2011-2015, đã công nhận 52 di tích quốc gia đặc biệt, nâng tổng số đến nay lên 67 di tích; 02 di tích được UNESCO công nhận là di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, 04 di tích được công nhận là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại, nâng tổng số được công nhận đến nay lần lượt là 08 và 09 di tích. [↑](#endnote-ref-27)
28. Nghị định 88/2012/NĐ-CP ngày 23/10/2012 quy định về hoạt động thông tin, báo chí của báo chí nước ngoài, cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam; Nghị định 72/2013/NĐ-CP ngày 15/07/2013 về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; Nghị định 65/2015/NĐ-CP ngày 07/08/2015 về xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước liên quan đến hành vi đăng, phát, cung cấp, đưa tin, công bố thông tin sai sự thật. [↑](#endnote-ref-28)
29. Quyết định 25/2013/QĐ-TTg ngày 04/06/2013 ban hành quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí. Quyết định 1212/QĐ-TTg ngày 05/09/2012 phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia đưa thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, hải đảo giai đoạn 2012-2015. Chỉ thị 21/CT-TTg ngày 06/08/2012 về việc triển khai thực hiện Chiến lược phát triển thông tin đối ngoại giai đoạn 2011-2020; Quyết 368/QĐ-TTg ngày 28/02/2013 phê duyệt Chương trình hành động của Chính phủ về thông tin đối ngoại giai đoạn 2013-2020.

    Quyết định 99/QĐ-TTg ngày 14/01/2014 phê duyệt Đề án đào tạo và phát triển nguồn nhân lực an toàn, an ninh thông tin đến năm 2020; Quyết định 893/QĐ-TTg ngày 19/06/2015 Phê duyệt Đề án tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và trách nhiệm về an toàn thông tin đến năm 2020. [↑](#endnote-ref-29)
30. Đã phê duyệt xong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020: 100% cấp tỉnh; 96,6% cấp huyện; 84,5% cấp xã. [↑](#endnote-ref-30)
31. Đã ban hành, điều chỉnh, bổ sung 11 quy trình vận hành liên hồ chứa, bao gồm: Quy trình vận hành liên hồ chứa thủy điện Sơn La - Hòa Bình - Thác Bà - Tuyên Quang; Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Vu Gia – Thu Bồn, Cả, Mã, Trà Khúc, Kôn – Hà Thanh, Hương, Đồng Nai trong mùa lũ; Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Ba, Sê San, SrêPôk. [↑](#endnote-ref-31)
32. Năm 2015, tỉ lệ thu gom, xử lý chất thải nguy hại đạt khoảng 75%; chất thải rắn y tế đạt 80%; tỉ lệ cơ sở gây ô nhiễm nghiêm trọng được xử lý đạt 92,5%. [↑](#endnote-ref-32)
33. Như các thủ tục hành chính về thuế, hải quan, đất đai, tài nguyên môi trường, xây dựng, tiếp cận điện năng, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, đăng ký, thành lập, giải thể, phá sản doanh nghiệp... [↑](#endnote-ref-33)
34. So với năm 2014, số đoàn khiếu nại đông người giảm 4,8%; số đơn thư khiếu nại tố cáo giảm 10,7%; số vụ việc khiếu nại tố cáo thuộc thẩm quyền của cơ quan hành chính giảm 8,8%. [↑](#endnote-ref-34)
35. Tỷ lệ điều tra, khám phá các vụ phạm pháp hình sự: năm 2011 đạt 74,9%; năm 2012 đạt 73,4%; năm 2013 đạt 74,49%; năm 2014 đạt 75,83%; năm 2015 (9 tháng) đạt 76,84%. Từ 2011 đến tháng 9/2015: phát hiện 60.398 vụ phạm tội về kinh tế; 1498 vụ án tham nhũng; 83.413 vụ phạm tội ma túy. [↑](#endnote-ref-35)
36. Trong giai đoạn 2011-2015, tai nạn giao thông giảm trên cả ba tiêu chí, số vụ tai nạn giảm từ 44.500 vụ (2011) xuống còn 21.900 vụ (2015); số người chết giảm từ 11.400 (2011) xuống còn 8.700 (năm 2015); số người bị thương giảm từ 48.700 người (2011) xuống còn 19.900 người (2015). Số người chết giai đoạn 2011-2015 giảm 21% so với giai đoạn 2006-2010. [↑](#endnote-ref-36)
37. Trong giai đoạn 2011-2015, nâng cấp quan hệ với một số quốc gia thành đối tác chiến lược và đối tác hợp tác toàn diện; trong đó có 07 đối tác chiến lược là: Đức (2011), Italy, Pháp, Indonesia, Thái Lan, Singapore (2013), Malaysia (2015) và 03 đối tác toàn diện là: U-crai-na (2011), Hoa Kỳ, Đan Mạch (2013); nâng tổng số các nước có quan hệ đối tác chiến lược với Việt Nam lên 14 nước, đối tác toàn diện lên 10 nước. [↑](#endnote-ref-37)
38. Miễn thị thực đơn phương 13 nước gồm: Đức, Pháp, Anh, Italy, Tây Ban Nha, Nhật Bản, Hàn Quốc, Na Uy, Phần Lan, Đan Mạch, Thụy Điển, Nga, Belarus. Miễn thị thực song phương với 9 nước ASEAN. [↑](#endnote-ref-38)
39. Mở rộng quan hệ thị trường thương mại tự do với 55 quốc gia và nền kinh tế, trong đó có 15 quốc gia trong Nhóm G-20. [↑](#endnote-ref-39)
40. Tỷ trọng xuất khẩu của khu vực trong nước trong tổng kim ngạch xuất khẩu giảm từ 50,6% (2011) xuống 33,3% (2015). Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu của khu vực trong nước năm 2011 tăng 26,1%; 2012 tăng 1,3%; 2013 tăng 3,5%; 2014 tăng 10,4%. Trong 9 tháng đầu năm 2015, khu vực trong nước xuất khẩu giảm 2,7% so với cùng kỳ; kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản giảm 9,9%. [↑](#endnote-ref-40)
41. Theo Báo cáo Triển vọng Phát triển châu Á 2015 (ADB), chỉ có 36% các doanh nghiệp Việt Nam tham gia vào mạng lưới sản xuất hướng đến xuất khẩu, so với 60% của Thái Lan, Malaysia; chỉ có 21% các doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu, so với Malaysia là 47%, Thái Lan 30%. [↑](#endnote-ref-41)
42. Tỷ lệ hộ nghèo tại 64 huyện nghèo đến cuối năm 2015 khoảng 28%. [↑](#endnote-ref-42)
43. Có 8 chỉ tiêu vượt kế hoạch gồm: Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) đạt 6,5% (kế hoạch 6,2%); tỷ lệ nhập siêu so với tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 3,6% (kế hoạch 5%); chỉ số tăng giá tiêu dùng (CPI) khoảng 1,5-2,5% (kế hoạch 5%); tỷ lệ lao động qua đào tạo trong tổng số lao động đang làm việc trong nền kinh tế 51,6% (kế hoạch 50%); tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng 14,1% (kế hoạch dưới 15%); số giường bệnh trên 1 vạn dân (không tính giường trạm y tế xã) 24 giường (kế hoạch 23,5 giường); tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng (theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg) được xử lý 92% (kế hoạch 90%); tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường 84% (kế hoạch là 82%).

    Có 5 chỉ tiêu đạt kế hoạch gồm: Tốc độ tăng tổng kim ngạch xuất khẩu 10% (kế hoạch 10%); tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội so với GDP 30,5% (kế hoạch 30-32%); tạo việc làm cho khoảng 1,6 triệu người (kế hoạch 1,6 triệu); tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị dưới 4% (kế hoạch dưới 4%); giảm tỷ lệ hộ nghèo 1,7-2% (kế hoạch 1,7-2%).

    Có 01 chỉ tiêu không đạt kế hoạch là tỷ lệ che phủ rừng 40,73% (kế hoạch 42%). Đối với chỉ tiêu này, sau khi có kết quả tổng điều tra, kiểm kê rừng cho thấy tỷ lệ che phủ rừng thực tế năm 2014 chỉ là 40,43% thấp hơn số báo cáo là 41,5%, nên mặc dù năm 2015 đạt kế hoạch trồng rừng mới khoảng 225 nghìn ha nhưng tỷ lệ che phủ rừng chỉ đạt 40,73%, không đạt chỉ tiêu đề ra (42%). [↑](#endnote-ref-43)
44. Có 17 chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch gồm: Tỷ lệ nhập siêu trong kim ngạch xuất khẩu đến năm cuối kỳ kế hoạch dưới 5% (kế hoạch dưới 10%); Tiêu tốn năng lượng tính trên GDP bình quân 5 năm so với năm cuối kỳ kế hoạch 5 năm giai đoạn trước giảm 6,55% (kế hoạch giảm 2,5%-3%); Tỷ lệ huy động thuế và phí vào ngân sách trong GDP bình quân 5 năm khoảng 21% (kế hoạch dưới 22%-23%); Nợ công trong GDP vào năm cuối kỳ kế hoạch 5 năm khoảng 61,3% (kế hoạch dưới 65%); Dư nợ của Chính phủ trong GDP đến năm cuối kỳ kế hoạch 5 năm khoảng 49% (kế hoạch dưới 50%); Dư nợ nước ngoài của quốc gia trong GDP vào năm cuối kỳ kế hoạch 5 năm khoảng 41,5% (kế hoạch dưới 50%); Chỉ số giá tiêu dùng vào năm cuối kỳ kế hoạch 5 năm khoảng 1,5-2,5% (kế hoạch khoảng 5-7%); Tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi khu vực thành thị vào năm cuối kỳ kế hoạch 5 năm dưới 4% (kế hoạch dưới 4%); Thu nhập thực tế của dân cư vào năm cuối kỳ kế hoạch 5 năm so với năm cuối kỳ kế hoạch 5 năm giai đoạn trước khoảng 2,85-2,9 lần (kế hoạch 2-2,5 lần); Tỷ lệ giảm hộ nghèo bình quân hàng năm khoảng 2% (kế hoạch khoảng 2%); Tỷ lệ giảm hộ nghèo bình quân hàng năm đối với các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn khoảng 4% (kế hoạch khoảng 4%); Diện tích nhà ở bình quân vào năm cuối kỳ kế hoạch 5 năm khoảng 22m2 (kế hoạch 22m2); Diện tích sàn nhà ở bình quân đô thị vào năm cuối kỳ kế hoạch 5 năm khoảng 26m2 (kế hoạch 26m2); Tốc độ tăng dân số vào năm cuối kỳ kế hoạch 5 năm 1% (kế hoạch khoảng 1%); Số bác sỹ trên 1 vạn dân vào năm cuối kỳ kế hoạch 5 năm đạt 8 bác sỹ (kế hoạch 8 bác sỹ); Số giường bệnh (không tính giường trạm y tế xã) trên 1 vạn dân vào năm cuối kỳ kế hoạch 5 năm đạt 24 giường (kế hoạch 23 giường); Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng vào năm cuối kỳ kế hoạch 5 năm được xử lý đạt 92,5% (kế hoạch 85%)

    Có 9 chỉ tiêu không đạt là: Tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân 5 năm 5,88% (kế hoạch 7,0%); Tỷ trọng đầu tư toàn xã hội trong GDP bình quân 5 năm 31,2% (kế hoạch 33,5-35%); Bội chi ngân sách nhà nước vào năm cuối kỳ kế hoạch 5 năm 5% (kế hoạch <4,5%); Tỷ trọng sản phẩm công nghệ cao trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp 18,37% (kế hoạch 30%); Tỷ lệ đổi mới công nghệ bình quân 5 năm 10,68% (kế hoạch 13%); Tăng năng suất lao động xã hội đến năm cuối kỳ kế hoạch 5 năm so với cuối kỳ kế hoạch 5 năm giai đoạn trước 22% (kế hoạch 29-32%); Số lao động được tạo việc làm 5 năm 2011-2015 7,8% (kế hoạch 8%); Tỷ lệ lao động qua đào tạo trong tổng số lao động đang làm việc trong nền kinh tế vào năm cuối kỳ kế hoạch 5 năm 51,6% (kế hoạch 55%); Tỷ lệ che phủ rừng vào năm cuối kỳ kế hoạch 5 năm 40,73% (kế hoạch 42-43%). [↑](#endnote-ref-44)
45. Đã tham gia 8 Hiệp định thương mại tự do với Chilê, Nhật Bản, ASEAN và các FTA giữa ASEAN với Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ, Úc, Niu Di-lân. Năm 2015 ký FTA với Hàn Quốc và Liên minh kinh tế Á - Âu (EEU); chuẩn bị ký FTA với EU (EVFTA); kết thúc đàm phán Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP). Tiếp tục đàm phán FTA với Khối Thương mại tự do Châu Âu (VN-EFTA); Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP). [↑](#endnote-ref-45)
46. Đến năm 2020, tỷ lệ lao động đã qua đào tạo từ 3 tháng trở lên, có văn bằng chứng chỉ đạt 25%. Dự kiến năm 2016 đạt 21%. [↑](#endnote-ref-46)
47. Phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng công nghiệp, xây dựng bình quân khoảng 8,7 - 9,45%/năm; đến năm 2020 tỉ trọng công nghiệp, xây dựng trong GDP khoảng 40%; tỉ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP khoảng 25%, trong đó công nghiệp chế tạo khoảng 15%. [↑](#endnote-ref-47)
48. Tỉ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP khoảng 25%, trong đó công nghiệp chế tạo khoảng 15%. [↑](#endnote-ref-48)
49. Như các loại dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, logistics, vận tải đa phương thức, dịch vụ công nghệ thông tin, thương mại điện tử … [↑](#endnote-ref-49)
50. Tiếp tục triển khai xây dựng hệ thống đường bộ cao tốc, tập trung ưu tiên cho các đoạn đường bộ cao tốc Bắc - Nam, đường bộ cao tốc kết nối các trung tâm kinh tế lớn. Đầu tư nâng cấp các tuyến đường sắt hiện có; chuẩn bị các điều kiện cần thiết để từng bước triển khai xây dựng đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam. Hoàn thành đầu tư xây dựng các cảng biển cửa ngõ quốc tế khu vực phía Bắc và phía Nam. Cải tạo, nâng cấp các cảng hàng không; phân kỳ đầu tư xây dựng Cảng hàng không quốc tế Long Thành. Hoàn thành các tuyến đường sắt đô thị tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và các công trình cấp, thoát nước tại các đô thị lớn. Hoàn thành xây dựng các bệnh viện tuyến cuối. [↑](#endnote-ref-50)
51. Triển khai Chương trình kế hoạch theo Quyết định số 686/QĐ-TTg ngày 11/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ thực hiện Nghị quyết 30 của Bộ Chính trị. Trong năm 2015, tập trung lập phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp; hoàn thành việc đo đạc, lập bản đồ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các công ty nông, lâm nghiệp theo quy định tại Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014. [↑](#endnote-ref-51)
52. Các nước tham gia TPP (12 nước): Việt Nam, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Singapore, Malaysia, Brunei, Canada, Mexico, Peru, Chi-lê, Úc, Niu-Di-lân. [↑](#endnote-ref-52)
53. .....: Giai đoạn 2006 - 2010 Quốc hội không giao chỉ tiêu, nên không tính toán số liệu thực hiện. [↑](#footnote-ref-1)
54. Tỷ trọng sản phẩm công nghệ cao trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp có xu hướng tăng dần: năm 2011 là 12,74%, năm 2012 là 17,22%, năm 2013 là 18,37%. [↑](#footnote-ref-2)